

Số : 05 /DICcons

Vũng tàu, ngày 03 tháng 01 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi:** - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

**1- Tên tổ chức:** Công ty cổ phần Xây dựng DIC Holdings

Mã chứng khoán: DC4

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Ruby Tower, số 12, đường 3 tháng 2, Phường 8, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: 0254.3613518

Email: info@diccons.vn

**2- Nội dung thông tin công bố:**

Các nghị quyết HĐQT liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:

- Nghị quyết HĐQT số 20/NQ-HĐQT.NK5 ngày 27/6/2024 về việc chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Nghị quyết HĐQT số 26/NQ-HĐQT.NK5 ngày 24/10/2024 thay thế nghị quyết số 24/NQ-HĐQT.NK5 về việc thông qua chi tiết dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành chào bán cổ phiếu.

**3- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 03/01/2025 tại đường dẫn : [www.diccons.vn](http://www.diccons.vn) mục TIN DOANH NGHIỆP CÔNG BỐ**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT.NK5
- Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT.NK5



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Nguyễn Tuyết Hoa**

Số: 20/NQ-HĐQT.NK5

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 06 năm 2024

## **NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(V/v: *Chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng*)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 ;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCD.2024 ngày 26/04/2024;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 17/NQ-HĐQT.NK5 ngày 09/05/2024;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 20/BB-HĐQT.NK5 ngày 27/06/2024 về việc Chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.

## **QUYẾT NGHỊ**

Nhằm chỉnh sửa và bổ sung Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2024 của Công ty theo yêu cầu tại công văn số 3927/UBCK-QLCB ngày 25/06/2024 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nhất trí thông qua các nội dung cụ thể như sau:

**Điều 1:** Thông qua chỉnh sửa “Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu không chào bán hết (nếu có)”:

1. Theo Nghị quyết HĐQT số 17/NQ-HĐQT.NK5 ngày 09/05/2024:

**Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu không chào bán hết (nếu có):**

- HĐQT được ĐHCĐ ủy quyền toàn quyền quyết định về điều kiện và đối tượng dự kiến chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và không cần phải thực hiện chào mua công khai kể cả trong các trường hợp sau:
  - ✓ Chào bán, phát hành cho các tổ chức, cá nhân dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu phải chào mua công khai.
  - ✓ Chào bán, phát hành dẫn đến tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của một tổ chức hoặc cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân, người có liên quan tăng từ 10% trở lên vốn điều lệ của DC4.
- Số cổ phiếu chưa phân phối hết được chào bán cho đối tượng khác này bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn tối thiểu 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

2. **Chỉnh sửa:**

**Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu không chào bán hết (nếu có):**

- Đối với toàn bộ số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phiếu các cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có) HĐQT được ĐHCĐ ủy quyền toàn quyền quyết định về điều kiện và đối tượng dự kiến chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ và đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

- Trường hợp tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác nhưng vẫn không phân phối hết thì Công ty thực hiện tăng vốn theo số vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư.

**Điều 2:** Thông qua việc thay đổi trả nợ một số khoản vay ngân hàng mà Công ty dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành chào bán cổ phiếu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ.2024 nhằm đảm bảo sự phù hợp với thời gian thực tiễn triển khai phương án phát hành:

1. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ.2024:

DVT: Đồng

I Ngân hàng BIDV - Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD							
STT	Số hiệu tài khoản vay	Giá trị khoản vay	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (tháng)	Mục đích vay	Số tiền thu được từ chào bán CP dự kiến sử dụng trả nợ	Thời hạn dự kiến trả nợ
1	406000320779	1.015.000.000	8,5	11	TT vật tư, nhân công	895.548.489	04/09/24
2	404000328701	6.211.548.399	8,5	11	TT vật tư, nhân công	6.211.548.399	05/09/24
3	405000342940	3.106.094.000	8,5	11	TT vật tư, nhân công	3.106.094.000	09/09/24
4	408000370206	5.805.584.433	8,5	11	TT vật tư, nhân công	5.805.584.433	13/09/24
5	407000396379	4.572.832.485	8,5	11	TT vật tư, nhân công	4.572.832.485	19/09/24
6	402000412867	2.189.316.915	8,5	11	TT vật tư, nhân công	2.189.316.915	23/09/24
7	401000414035	1.200.893.520	8,5	11	TT vật tư, nhân công	1.200.893.520	24/09/24
8	402000425062	2.493.942.888	8,5	11	TT vật tư, nhân công	2.493.942.888	25/09/24
9	407000453011	1.183.182.100	8,5	11	TT vật tư, nhân công	1.183.182.100	30/09/24
10	404000447212	5.490.774.708	8,5	11	TT vật tư, nhân công	5.490.774.708	30/09/24
11	403000479884	5.893.149.296	8,5	11	TT vật tư, nhân công	5.893.149.296	07/10/24
12	403000480163	3.000.000.000	8,5	11	TT vật tư, nhân công	3.000.000.000	07/10/24
13	400000491740	3.342.997.232	8,5	11	TT vật tư, nhân công	3.342.997.232	08/10/24
14	408000499657	1.442.590.610	8,5	11	TT vật tư, nhân công	1.442.590.610	09/10/24
15	409000511400	4.653.911.735	8,5	11	TT vật tư, nhân công	4.653.911.735	10/10/24
16	401000548902	3.098.897.973	8,5	11	TT vật tư, nhân công	3.098.897.973	17/10/24
17	402000554317	3.000.000.000	8,5	11	TT vật tư, nhân công	3.000.000.000	21/10/24
18	403000585269	2.078.421.056	8,5	11	TT vật tư, nhân công	2.078.421.056	24/10/24
19	400000585253	1.002.701.518	8,5	11	TT vật tư, nhân công	1.002.701.518	24/10/24
20	400000594823	552.428.488	8,5	11	TT vật tư, nhân công	552.428.488	28/10/24
21	402000594785	2.138.590.530	8,5	11	TT vật tư, nhân công	2.138.590.530	28/10/24
22	400000588672	2.755.218.792	8,5	11	TT vật tư, nhân công	2.755.218.792	28/10/24

23	408000591989	820.000.000	8,5	11	TT vật tư, nhân công	820.000.000	28/10/24
24	401000626518	684.048.655	8,5	11	TT vật tư, nhân công	684.048.655	04/11/24
<b>II Ngân hàng VRB</b>							
STT	Số hợp đồng	Giá trị khoản vay	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (tháng)	Mục đích vay	Số tiền thu được từ chào bán CP dự kiến sử dụng trả nợ	Thời hạn dự kiến trả nợ
1	44HM.042/2022 /153289/HĐTD	540.151.680	8,5	11	TT vật tư, nhân công	540.151.680	06/09/24
2	45HM.042/2022 /153289/HĐTD	888.268.359	8,5	11	TT vật tư, nhân công	888.268.359	04/09/24
3	46HM.042/2022 /153289/HĐTD	1.693.509.309	8,5	11	TT vật tư, nhân công	1.693.509.309	06/09/24
4	47HM.042/2022 /153289/HĐTD	2.155.788.076	8,5	11	TT vật tư, nhân công	2.155.788.076	04/09/24
5	48HM.042/2022 /153289/HĐTD	2.500.000.000	8,5	11	TT vật tư, nhân công	2.500.000.000	09/09/24
6	49HM.042/2022 /153289/HĐTD	2.921.951.344	8,50	11	TT vật tư, nhân công	2.921.951.344	16/09/23
Tổng cộng		<b>78.431.794.101</b>				<b>78.312.342.590</b>	

2. Thay đổi:

ĐVT: Đồng

<b>I Ngân hàng BIDV - Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD</b>							
STT	Số hiệu tài khoản vay	Giá trị khoản vay	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (tháng)	Mục đích vay	Số tiền thu được từ chào bán CP dự kiến sử dụng trả nợ	Thời hạn dự kiến trả nợ
1	402001256046	1.014.314.414	7,7	11	TT tiền vật tư, nhân công	1.014.314.414	12/03/25
2	403001317344	4.509.457.558	7,7	11	TT tiền vật tư, nhân công	4.509.457.558	24/03/25
3	405001317345	2.500.000.000	7,7	11	TT tiền vật tư, nhân công	2.500.000.000	24/03/25
4	400001308249	1.893.738.696	7,7	11	TT tiền vật tư, nhân công	1.893.738.696	24/03/25
5	407001333738	1.090.758.131	7,7	11	TT tiền vật tư, nhân công	1.090.758.131	26/03/25
6	402001335911	3.900.000.000	7,7	11	TT tiền vật tư, nhân công	3.900.000.000	26/03/25
7	409001365786	4.807.538.169	7,7	11	TT tiền vật tư, nhân công	4.807.538.169	07/04/25
8	401001395194	6.405.332.911	7,7	11	TT tiền vật tư, nhân công	6.405.332.911	10/04/25
<b>II Ngân hàng VRB</b>							
STT	Số hợp đồng	Giá trị khoản vay	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (tháng)	Mục đích vay	Số tiền thu được từ chào bán CP dự kiến sử dụng trả nợ	Thời hạn dự kiến trả nợ
1	12HM.023/2023 /153289/HĐTD	1.173.555.667	7,4	11	TT tiền vật tư, nhân công	1.173.555.667	10/03/25
2	13HM.023/2023 /153289/HĐTD	2.076.079.357	7,4	11	TT tiền vật tư, nhân công	2.076.079.357	11/03/25
3	14HM.023/2023 /153289/HĐTD	1.605.322.436	7,4	11	TT tiền vật tư, nhân công	1.605.322.436	19/03/25
4	15HM.023/2023 /153289/HĐTD	5.018.875.846	7,4	11	TT tiền vật tư, nhân công	5.018.875.846	07/04/25

5	16HM.023/2023 /153289/HĐTD	2.909.061.631	7,4	11	TT tiền vật tư, nhân công	2.909.061.631	15/04/25
6	17HM.023/2023 /153289/HĐTD	1.873.450.705	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	1.873.450.705	17/04/25
7	18HM.023/2023 /153289/HĐTD	7.379.027.912	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	7.379.027.912	21/04/25
8	19HM.023/2023 /153289/HĐTD	3.257.284.107	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	3.257.284.107	22/04/25
9	20HM.023/2023 /153289/HĐTD	829.089.547	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	829.089.547	23/04/25
10	21HM.023/2023 /153289/HĐTD	1.395.590.049	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	1.395.590.049	28/04/25
11	22HM.023/2023 /153289/HĐTD	7.293.195.726	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	7.293.195.726	29/04/25
12	23HM.023/2023 /153289/HĐTD	4.139.565.740	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	4.139.565.740	12/05/25
13	24HM.023/2023 /153289/HĐTD	4.468.817.563	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	4.468.817.563	12/05/25
14	25HM.023/2023 /153289/HĐTD	3.704.963.058	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	3.704.963.058	12/05/25
15	26HM.023/2023 /153289/HĐTD	5.238.252.669	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	5.067.323.367	14/05/25
Tổng cộng		<b>78.483.271.892</b>				<b>78.312.342.590</b>	

- Ngoài các khoản dự kiến trả nợ vay ngân hàng thay đổi như trên, các khoản dự kiến trả nợ ngân hàng khác từ nguồn tiền thu được từ đợt phát hành chào bán cổ phiếu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ.2024 không thay đổi.

**Điều 3:** Thông qua Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings theo quy định của pháp luật là: 50% theo công văn số 6756/UBCK-PTTT ngày 28/10/2021 của UBCKNN về hồ sơ thông báo SHNN tối đa của Công ty cổ phần Xây dựng DIC Holdings.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không quy định.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings tại ngày 25/03/2024 (ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất) là: 0,34%. Trong đợt chào bán này, cổ phiếu sẽ được chào bán cho cổ đông hiện hữu (CĐHH), do đó nếu các cổ đông thực hiện quyền thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại DC4 sẽ không thay đổi đồng nghĩa với việc DC4 vẫn đảm bảo đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại DC4 như quy định tại công văn số 6756/UBCK-PTTT ngày 28/10/2021 của UBCKNN nêu trên và các quy định của pháp luật.
- Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền mua của CĐHH: tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, Công ty sẽ xác định được tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và căn cứ theo tỷ lệ đó Công ty sẽ phối hợp với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) kiểm soát việc chuyển nhượng quyền mua của CĐHH cho nhà đầu tư nước ngoài (nếu có) để bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài sau chuyển nhượng quyền không vượt quá 50% theo đúng quy định pháp luật.
- Đối với trường hợp xử lý cổ phiếu chào bán không được phân phối hết (nếu có), HĐQT sẽ quyết định việc bán số cổ phiếu này cho các đối tượng khác với điều kiện đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại DC4 không vượt quá 50% theo đúng quy định pháp luật.

**Điều 4:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này, đảm bảo quyền lợi của Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nơi nhận:**

- HĐQT, BTGD;
- Lưu VT.

**LÊ ĐÌNH THẮNG**



**CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS  
SAO Y BẢN CHÍNH  
Ngày 10 tháng 12 năm 2024..**



Số: 26/NQ-HĐQT.NK5

Vũng Tàu, ngày 24 tháng 10 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(V/v: Thay thế Nghị quyết HĐQT số 24/NQ-HĐQT.NK5 ngày 04/10/2024)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 ;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCCĐ.2024 ngày 26/04/2024;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 17/NQ-HĐQT.NK5 ngày 09/05/2024;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20/NQ-HĐQT.NK5 ngày 27/06/2024;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 24/NQ-HĐQT.NK5 ngày 04/10/2024
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 26/BB-HĐQT.NK5 ngày 24/10/2024 về việc thay thế Nghị quyết HĐQT số 24/NQ-HĐQT.NK5 ngày 04/10/2024.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Căn cứ Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành đã được thông qua theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ.2024 ngày 26/04/2024, căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tiễn của Công ty tính đến thời điểm ngày 30/09/2024 và được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nhất trí thông qua Chi tiết sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến như sau:

**Trả nợ Ngân hàng:** 200.000.000.000 đồng, trong đó:

- Trả nợ ngân hàng BIDV: 118.569.018.728 đồng.
- Trả nợ ngân hàng VRB: 81.430.981.272 đồng.

DVT: Đồng

I Ngân hàng BIDV - Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD							
ST T	Số hiệu tài khoản vay	Giá trị khoản vay	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (tháng)	Mục đích vay	Số tiền thu được từ chào bán CP dự kiến sử dụng trả nợ	Thời hạn dự kiến trả nợ
1	403000819378	6.255.762.560	8,5	11	TT vật tư, nhân công	3.289.951.523	09/12/24
2	405000846337	5.492.984.227	8,5	11	TT vật tư, nhân công	5.492.984.227	12/12/24
3	406000950058	5.266.467.133	7,7	11	TT vật tư, nhân công	5.266.467.133	02/01/25
4	401000973428	2.923.923.656	7,7	11	TT vật tư, nhân công	2.923.923.656	06/01/25
5	408000979100	1.000.000.000	7,7	11	TT vật tư, nhân công	1.000.000.000	07/01/25
6	401000979101	3.242.629.081	7,7	11	TT vật tư, nhân công	3.242.629.081	07/01/25
7	407000980709	5.444.387.531	7,7	11	TT vật tư, nhân công	5.444.387.531	07/01/25
8	408001049754	1.139.279.606	7,7	11	TT vật tư, nhân công	1.139.279.606	04/02/25
9	403001047325	1.939.065.073	7,7	11	TT vật tư, nhân công	1.939.065.073	04/02/25

10	405001056003	1.639.244.874	7,7	11	TT vật tư, nhân công	1.639.244.874	05/02/25
11	402001110119	3.446.277.584	7,7	11	TT vật tư, nhân công	3.446.277.584	17/02/25
12	405001110586	750.000.000	7,7	11	TT vật tư, nhân công	750.000.000	17/02/25
13	406001146474	990.599.422	7,7	11	TT vật tư, nhân công	990.599.422	24/02/25
14	408001146475	1.763.767.501	7,7	11	TT vật tư, nhân công	1.763.767.501	24/02/25
15	406001186058	4.731.095.662	7,7	11	TT vật tư, nhân công	4.731.095.662	28/02/25
16	402001178616	21.391.105.368	7,7	11	TT vật tư, nhân công	21.391.105.368	28/02/25
17	402001256046	1.014.314.414	7,7	11	TT vật tư, nhân công	1.014.314.414	12/03/25
18	403001317344	4.509.457.558	7,7	11	TT vật tư, nhân công	4.509.457.558	24/03/25
19	405001317345	2.500.000.000	7,7	11	TT vật tư, nhân công	2.500.000.000	24/03/25
20	400001308249	1.893.738.696	7,7	11	TT vật tư, nhân công	1.893.738.696	24/03/25
21	407001333738	1.090.758.131	7,7	11	TT vật tư, nhân công	1.090.758.131	26/03/25
22	402001335911	3.900.000.000	7,7	11	TT vật tư, nhân công	3.900.000.000	26/03/25
23	409001365786	4.807.538.169	7,7	11	TT vật tư, nhân công	4.807.538.169	07/04/25
24	401001395194	6.405.332.911	7,7	11	TT vật tư, nhân công	6.405.332.911	10/04/25
<b>Ngân hàng BIDV - Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD</b>							
25	402001717189	1.844.652.638	7,8	11	TT vật tư, nhân công	1.844.652.638	12/06/2025
26	405001730150	5.906.605.251	7,8	11	TT vật tư, nhân công	5.906.605.251	16/06/2025
27	407001724117	2.295.982.051	7,8	11	TT vật tư, nhân công	2.295.982.051	16/06/2025
28	407001743334	10.227.402.180	7,8	11	TT vật tư, nhân công	10.227.402.180	19/06/2025
29	409001821172	3.023.874.959	7,8	11	TT vật tư, nhân công	3.023.874.959	07/07/2025
30	408001815970	4.698.583.529	7,8	11	TT vật tư, nhân công	4.698.583.529	07/07/2025
<b>Tổng</b>		<b>121.534.829.765</b>				<b>118.569.018.728</b>	
<b>II</b>	<b>Ngân hàng VRB</b>						
<b>ST T</b>	<b>Số hợp đồng</b>	<b>Giá trị khoản vay</b>	<b>Lãi suất (%)</b>	<b>Kỳ hạn (tháng)</b>	<b>Mục đích vay</b>	<b>Số tiền thu được từ chào bán CP dự kiến sử dụng trả nợ</b>	<b>Thời hạn dự kiến trả nợ</b>
1	02HM.023/2023/153289/HĐTD	4.954.499.263	8,0	11	TT vật tư, nhân công	4.954.499.263	31/12/24
2	01HM.023/2023/153289/HĐTD	1.290.506.472	8,0	11	TT vật tư, nhân công	1.290.506.472	02/01/25
3	03HM.023/2023/153289/HĐTD	2.200.794.968	8,0	11	TT vật tư, nhân công	2.200.794.968	02/01/25
4	04HM.023/2023/153289/HĐTD	1.223.683.994	8,0	11	TT vật tư, nhân công	1.223.683.994	06/01/25
5	05HM.023/2023/153289/HĐTD	5.000.000.000	8,0	11	TT vật tư, nhân công	5.000.000.000	06/01/25
6	06HM.023/2023/153289/HĐTD	2.340.309.888	7,6	11	TT vật tư, nhân công	2.340.309.888	03/02/25
7	07HM.023/2023/153289/HĐTD	2.605.511.340	7,6	11	TT vật tư, nhân công	2.605.511.340	03/02/25



8	08HM.023/2023/ 153289/HĐTD	771.613.925	7,6	11	TT vật tư, nhân công	771.613.925	05/02/25
9	09HM.023/2023/ 153289/HĐTD	1.781.975.909	7,6	11	TT vật tư, nhân công	1.781.975.909	06/02/25
10	10HM.023/2023/ 153289/HĐTD	3.722.902.998	7,4	11	TT vật tư, nhân công	3.722.902.998	13/02/25
11	11HM.023/2023/ 153289/HĐTD	3.347.979.804	7,4	11	TT vật tư, nhân công	3.347.979.804	17/02/25
12	12HM.023/2023/ 153289/HĐTD	1.173.555.667	7,4	11	TT vật tư, nhân công	1.173.555.667	10/03/25
13	13HM.023/2023/ 153289/HĐTD	2.076.079.357	7,4	11	TT vật tư, nhân công	2.076.079.357	11/03/25
14	14HM.023/2023/ 153289/HĐTD	1.605.322.436	7,4	11	TT vật tư, nhân công	1.605.322.436	19/03/25
15	15HM.023/2023/ 153289/HĐTD	5.018.875.846	7,4	11	TT vật tư, nhân công	5.018.875.846	07/04/25
16	16HM.023/2023/ 153289/HĐTD	2.909.061.631	7,4	11	TT vật tư, nhân công	2.909.061.631	15/04/25
17	17HM.023/2023/ 153289/HĐTD	1.873.450.705	8,0	11	TT vật tư, nhân công	1.873.450.705	17/04/25
18	18HM.023/2023/ 153289/HĐTD	7.379.027.912	8,0	11	TT vật tư, nhân công	7.379.027.912	21/04/25
19	19HM.023/2023/ 153289/HĐTD	3.257.284.107	8,0	11	TT vật tư, nhân công	3.257.284.107	22/04/25
20	20HM.023/2023/ 153289/HĐTD	829.089.547	8,0	11	TT vật tư, nhân công	829.089.547	23/04/25
21	21HM.023/2023/ 153289/HĐTD	1.395.590.049	8,0	11	TT vật tư, nhân công	1.395.590.049	28/04/25
22	22HM.023/2023/ 153289/HĐTD	7.293.195.726	8,0	11	TT vật tư, nhân công	7.293.195.726	29/04/25
23	23HM.023/2023/ 153289/HĐTD	4.139.565.740	8,0	11	TT vật tư, nhân công	4.139.565.740	12/05/25
24	24HM.023/2023/ 153289/HĐTD	4.468.817.563	8,0	11	TT vật tư, nhân công	4.468.817.563	12/05/25
25	25HM.023/2023/ 153289/HĐTD	3.704.963.058	8,0	11	TT vật tư, nhân công	3.704.963.058	12/05/25
26	26HM.023/2023/ 153289/HĐTD	5.238.252.669	8,0	11	TT vật tư, nhân công	5.067.323.367	14/05/25
<b>Tổng</b>		<b>81.601.910.574</b>				<b>81.430.981.272</b>	
<b>III</b>	<b>Tổng cộng (I+II)</b>	<b>200.170.929.302</b>				<b>200.000.000.000</b>	

Đến thời điểm giải ngân số tiền thu được từ đợt chào bán, các khoản vay ngân hàng trong danh sách nêu trên nếu đã được thanh toán (không còn nợ), HĐQT Công ty sẽ quyết định sử dụng số tiền thu được dự kiến trả nợ cho các khoản vay ngân hàng này để thanh toán cho các khoản vay ngân hàng phát sinh khác trong cùng Hợp đồng tín dụng.

**Trả nợ Khách hàng: 88.748.470.000 đồng, trong thời gian Quý IV/2024 – Quý I/2025.**

*ĐVT: Đồng*

STT	Khách hàng	Giá trị khoản nợ	Số tiền thu được từ chào bán CP dự kiến sử dụng trả nợ	Mối quan hệ với DC4
-----	------------	------------------	---	------------------------

1	CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng Bê Tông	30.166.632.187	30.000.000.000	-
2	CTCP Phát triển và Kinh doanh Nhà	28.044.861.500	28.000.000.000	Cổ đông lớn
3	Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất An Huy	3.134.044.957	3.000.000.000	-
4	Công ty TNHH TM DV ĐT Trung Nguyễn	3.483.736.697	3.000.000.000	-
5	CTCP Siêu Thanh	7.702.848.467	7.000.000.000	-
6	Công ty TNHH Nghĩa Thành	1.997.899.850	1.259.362.910	-
7	CTCP Vật liệu Xây dựng DIC (*)	16.489.107.090	16.489.107.090	Công ty con
<b>Tổng cộng</b>		<b>91.019.130.748</b>	<b>88.748.470.000</b>	

(\*): Thanh toán cho CTCP Vật liệu Xây dựng DIC theo HĐ số 01/HĐTDNH/2022 ngày 12/09/2022.

**Điều 2:** Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của CTCP Xây dựng DIC Holdings bao gồm nhưng không giới hạn:

- Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Bản cáo bạch (đính kèm Quyết định ủy quyền số 04/2024/QĐUQ-CT.HĐQT ngày 06/09/2024 của Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Funan ủy quyền cho Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Đoan Thùy ký);
- Điều lệ Công ty;
- Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng và Hợp nhất các năm 2022, 2023; BCTC Riêng và Hợp nhất quý 1/2024; BCTC Riêng và Hợp nhất bán niên năm 2024 đã soát xét;
- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHCĐ.2024 ngày 26/04/2022 thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024;
- Biên bản họp ĐHCĐ thường niên năm 2024 số 01/BB-ĐHCĐ.2024 ngày 26/04/2024;
- Tờ trình số 05/TT-ĐHCĐ.2024 ngày 26/04/2024 về Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 17/NQ-HĐQT.NK5 ngày 09/05/2024 về việc triển khai thực hiện Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024, thông qua Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Biên bản họp HĐQT số 17/BB-HĐQT.NK5 ngày 09/05/2024;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 20/NQ-HĐQT.NK5 ngày 27/06/2024 về việc chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Biên bản họp HĐQT số 20/BB-HĐQT.NK5 ngày 27/06/2024
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 24/NQ-HĐQT.NK5 ngày 04/10/2024 về việc chỉnh sửa Mục đích và Phương án sử dụng vốn thu được từ Đợt chào bán cổ phiếu;
- Biên bản họp HĐQT số 24/BB-HĐQT.NK5 ngày 04/10/2024;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 26/NQ-HĐQT.NK5 ngày 24/10/2024 về việc thay thế Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 24/NQ-HĐQT.NK5 ngày 04/10/2024;
- Biên bản họp HĐQT số 26/BB-HĐQT.NK5 ngày 24/10/2024;

- Văn bản cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Văn bản cam kết của Hội đồng quản trị triển khai niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
- Văn bản xác nhận của ngân hàng số 1165/BIDV.BRVT ngày 26/06/2024 về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;
- Công văn số 6756/UBCK-PTTT ngày 28/10/2021 của UBCKNN về hồ sơ thông báo SHNN tối đa của Công ty cổ phần Xây dựng DIC Holdings;
- Hợp đồng tư vấn phát hành thêm cổ phiếu số 01/2024/HĐDV/DC4-FNS ngày 08/04/2024 (đính kèm Quyết định ủy quyền số 01/2024/QĐUQ-TGD ngày 31/01/2024 của Tổng giám đốc CTCP Chứng khoán Funan ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc Trần Đình Khánh ký);
- Các tài liệu liên quan chứng minh sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu chào bán ra công chúng.

**Điều 3:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết HĐQT số 24/NQ-HĐQT.NK5 ngày 04/10/2024. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này, đảm bảo quyền lợi của Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**LÊ ĐÌNH THẮNG**